

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 79/2025/DS-ST

Ngày 27 – 3 – 2025

“V/v tranh chấp hợp đồng cầm cố
tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Út

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Thanh Liêm

Bà Vũ Thị Mỹ Linh

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Cúc là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 27 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 866/2024/TLST-DS ngày 09 tháng 12 năm 2024 về việc tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2025/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Công ty cổ phần S Có Ngay.

Địa chỉ trụ sở: Số A, đường N, phường B, thành phố V, tỉnh Nghệ An.

Đại diện theo pháp luật: Ông KANOKWATPAISAL NAPAT – Giám đốc

Người đại diện hợp pháp: Ông Trần Thanh T, sinh năm: 1989. Địa chỉ: Số B, Đường C, phường E, thành phố C, tỉnh Cà Mau (Theo giấy ủy quyền số 196/2023/UQ-SVN ngày 01/12/2023) (xin vắng mặt).

- **Bị đơn:** Ông Nguyễn Văn K. Sinh năm: 1969 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số E, ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện của nguyên đơn và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án ông Trần Thanh T là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày như sau:

Ngày 30/12/2023 ông Nguyễn Văn K có ký hợp đồng cầm cố số: ACM231201009NA20X. Theo đó, Công ty cổ phần S Có Ngay (sau đây gọi là Công ty) đã giải ngân cho khách hàng số tiền 51.030.000 đồng. đồng cầm cố số: ACM231201009NA20X, thời hạn cầm cố 24 tháng, mục đích cầm cố phục vụ

tiêu dùng cá và kinh doanh. Lãi suất cầm cố bằng 1.1% số tiền cầm cố /tháng; phí quản lý hồ sơ cố định bằng 0.5% số tiền cầm cố/tháng; lãi suất quá hạn bằng 4% số tiền quá hạn thanh toán /tháng tính từ thời điểm phát sinh nợ quá hạn; phí mượn xe 5% số tiền cầm cố/tháng; phạt vi phạm nghĩa vụ thanh toán 8% giá trị phần nghĩa vụ bị vi phạm; chi phí tố tụng 10% trên dư nợ gốc, lãi, phí quản lý hồ sơ cố định chưa thanh toán.

Để bảo đảm cho hợp đồng cầm cố ông K đã thế chấp tài sản bảo đảm là chiếc xe mô tô hiệu HONDA, biển số 69F1 -580.40, giấy chứng nhận đăng ký xe số 0047465 do Công an tỉnh C cấp ngày 04/5/2020 đứng tên Nguyễn Văn K. Tài sản được đăng ký giao dịch bảo đảm trên hệ thống trực tuyến của cục Đ số đăng ký giao dịch 1537478969 wed <https://dktructuyen.moj.gov.vn/>.

Theo hợp đồng cầm cố đã ký thì Công ty đã giải ngân đầy đủ số tiền 51.030.000 đồng cho ông K nhận. Do nhu cầu đi lại hàng ngày nên ông K ký giấy mượn xe ngày 30/12/2023 yêu cầu Công ty cho mượn lại chiếc xe trên, thời gian mượn xe từ ngày 30/12/2023 đến ngày 30/01/2024. Hiện nay, ông K đang quản lý, sử dụng chiếc xe. Bản gốc giấy tờ xe của ông K Công ty đang quản lý. Quá trình cầm cố ông K đã thanh toán được 02 tháng gốc và lãi, phí là 7.708.000 đồng. Đến nay ông K không thanh toán. Nay Công ty yêu cầu:

-Buộc ông Nguyễn Văn K phải thực hiện nghĩa vụ trả lại chiếc xe mô tô biển số: 69F1-580.40, nhãn hiệu: HONDA, Số loại: S1 ABS theo giấy mượn xe ký ngày 30/12/2023;

-Trường hợp ông K không trả lại xe thì buộc phải thanh toán cho Công ty Cổ Phần S Có Ngay số tiền tạm tính đến ngày 05/11/2024 là 93.137.094 đồng (Chín mươi ba triệu, một trăm ba mươi bảy nghìn, không trăm chín mươi bốn đồng) trong đó: T1 gốc: 47.480.161 đồng, T2 lãi trong hạn 4.700.536 đồng, P quản lý hồ sơ cố định: 2.136.607 đồng, T2 lãi quá hạn: 3.302.536 đồng, P mượn xe: 22.963.500 đồng, P phạt vi phạm nghĩa vụ thanh toán: 3.798.413 đồng, Chi phí tố tụng : 5.431.730 đồng;

-Ngoài ra ông K còn phải tiếp tục chịu lãi suất, phí phát sinh theo hợp đồng cầm cố và giấy mượn xe kể từ ngày 15/10/2024 cho đến khi thanh toán xong nợ;

-Trường hợp ông K không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ nêu trên, đề nghị Tòa án tuyên Công ty Cổ Phần S Có Ngay được yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền kê biên, xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi khoản nợ cho Công ty Cổ Phần S Có Ngay. Tài sản bảo đảm là: chiếc xe mô tô biển số: 69F1-580.40, nhãn hiệu: HONDA, Số loại: S1 ABS

-Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì ông K vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho Công ty Cổ Phần S Có Ngay.

-Buộc ông K phải chịu mọi chi phí tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án.

-Trường hợp xác minh khách hàng có dấu hiệu hình sự thì yêu cầu chuyển hồ sơ qua Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố C xử lý theo quy định.

Tuy nhiên, nay nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn thanh toán số vốn còn lại là 47.480.161 đồng, lãi trong hạn kể từ ngày 30/3/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm là 47.480.161 đồng x 1,1% x 12 tháng 27 ngày bằng số tiền 6.737.435 đồng. Tổng vốn lãi là 54.217.595 đồng (làm tròn 54.217.000 đồng). Đối với các yêu cầu còn lại nguyên đơn xin rút lại.

Tại biên bản hòa giải ngày 26/12/2024, ông Nguyễn Văn K trình bày: Ông thừa nhận có ký hợp đồng cầm cố xe với Công ty cổ phần S Có Ngay. Hiện nay chiếc xe do ông đang quản lý, sử dụng. Nay ông thống nhất yêu cầu của nguyên đơn nhưng do đang khó khăn nên ông xin thời hạn từ hôm nay đến ngày 20/01/2025 ông sẽ trả hết nợ cho Công ty Cổ Phần S Có Ngay. Trường hợp không trả được thì ông thống nhất giao xe cho Công ty Cổ Phần S Có Ngay xử lý thu hồi nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định Điều 26 và Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn là ông Nguyễn Văn K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa xét xử nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn xin vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể: không yêu cầu phần lãi quá hạn, phí quản lý hồ sơ cố định, phí phạt vi phạm nghĩa vụ thanh toán, phí mượn xe, chi phí tố tụng, yêu cầu xử lý tài sản thế chấp, yêu cầu ông K trả lại xe. Xét việc Công ty rút lại yêu cầu trên là hoàn toàn tự nguyện, không trái quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Xét yêu cầu trả vốn, lãi của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy: Tại hợp đồng cầm cố số ACM231201009NA20X ký kết vào ngày 30/12/2023 giữa Công ty Cổ phần S Có Ngay với ông Nguyễn Văn K thể hiện: Tài sản cầm cố là chiếc xe mô tô hiệu HONDA, 69F1-580.40, giấy chứng nhận đăng ký xe số 0047465 do Công an tỉnh C cấp ngày 04/5/2020 đứng tên Nguyễn Văn K, số tiền nhận cầm cố là 51.030.000 đồng, thời hạn cầm cố là 12 tháng với mức lãi suất 1,1%/tháng. Quá trình thực hiện hợp đồng ông K đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng cầm cố đã ký nên các bên phát sinh tranh chấp.

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền vốn còn nợ từ hợp đồng cầm cố là 47.480.161 đồng, lãi trong hạn kể từ ngày 30/3/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm

là 47.480.161 đồng x 1,1% x 12 tháng 27 ngày bằng số tiền 6.737.435 đồng. Tổng vốn lãi là 54.217.595 đồng (làm tròn 54.217.000 đồng).

Xét thấy Hợp đồng cầm cố ký kết ngày 30/12/2023 giữa các bên được thiết lập trên tinh thần tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên các bên phải có nghĩa vụ thực hiện. Quá trình giải quyết vụ án ông K đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn, tuy nhiên xin thời gian để thanh toán nợ. Nhận thấy, mặc dù Tòa án đã cho các bên có thời gian, thỏa thuận việc thanh toán nợ nhưng đến nay ông K vẫn không thực hiện. Nguyên đơn vẫn tiếp tục yêu cầu bị đơn thanh toán nợ theo hợp đồng cầm cố. Do đó, Tòa án căn cứ vào hợp đồng cầm cố đã ký giữa các bên và tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp, lời trình bày của nguyên đơn, ý kiến của bị đơn để xét xử vụ án. Xét lời trình bày của nguyên đơn là hoàn toàn phù hợp với tài liệu, chứng cứ có trong vụ án nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn thanh toán cho nguyên số tiền gốc và lãi tính đến ngày 27/3/2025 tổng cộng là 54.217.000 đồng.

[3] Buộc Công ty cổ phần S có nghĩa vụ trả lại cho ông Nguyễn Văn K bản chính giấy chứng nhận đăng ký xe số 0047465 do Công an tỉnh C cấp ngày 04/5/2020 đứng tên Nguyễn Văn K khi ông K đã thanh toán xong nợ cho Công ty.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên Công ty Cổ phần S Có Ngay không phải chịu án phí, phần án phí dự nộp được nhận lại. Ông Nguyễn Văn K phải chịu án phí dân sự có giá ngạch theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 238, 244 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 309, 468 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần S Có Ngay. Buộc ông Nguyễn Văn K trả cho Công ty cổ phần S Có Ngay **số tiền 54.217.000 đồng (Năm mươi bốn triệu hai trăm mười bảy nghìn đồng).**

Kể từ ngày người có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành khoản tiền nêu trên thì hàng tháng phải chịu lãi suất chậm thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thanh toán.

2. Buộc Công ty cổ phần S có nghĩa vụ trả lại ông Nguyễn Văn K bản

chính giấy chứng nhận đăng ký xe số 0047465 do Công an tỉnh C cấp ngày 04/5/2020 đứng tên Nguyễn Văn K khi ông K thanh toán xong nợ.

3. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần S Có Ngay về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn K thanh toán: nợ lãi quá hạn, phí quản lý hồ sơ cố định, phí phạt vi phạm nghĩa vụ thanh toán, phí mượn xe, chi phí tố tụng, xử lý tài sản thế chấp, yêu cầu ông K trả lại xe.

4. Án phí dân sự có giá ngạch: Ông Nguyễn Văn K phải chịu án phí 2.710.850 **đồng** (chưa nộp). Công ty cổ phần S Có Ngay không phải chịu án phí. Ngày 06/12/2024 Công ty cổ phần S có nộp tạm ứng 2.110.000 đồng theo biên lai số 0009851 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau được nhận lại khi án có hiệu lực.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND thành phố Cà Mau;
- Chi cục THADS thành phố Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Út

